

Số: / 55 QĐ-ĐN

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2012

## QUYẾT ĐỊNH

### V/v ban hành kế hoạch 5 năm

Căn cứ Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 14/11/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Đại Nam

Căn cứ Quyết định số 63/2011/QĐ-TTg ngày 10/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học tư thục ban hành kèm theo QĐ số 61/2009/QĐ-TTg ngày 17/4/2009;

Căn cứ Quyết định số 54/QĐ-ĐN ngày 25/12/2008 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Đại Nam Xét đề nghị của Ban giám hiệu.

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1:** Ban hành kèm theo quyết định này văn bản: “Kế hoạch 5 năm phát triển Trường Đại học Đại Nam giai đoạn 2012 - 2017”

**Điều 2:** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký. Ban giám hiệu, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư Đoàn thanh niên, lãnh đạo các phòng ban chức năng, các khoa, viện, trung tâm trực thuộc Trường cùng toàn thể cán bộ giảng viên, học viên, sinh viên chịu trách nhiệm quán triệt và triển khai thực hiện quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Như điều 2
- HĐQT
- Lưu VP



PGS.TS. PHAN TRỌNG PHÚC

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2012

## **KẾ HOẠCH 5 NĂM PHÁT TRIỂN TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẠI NAM GIAI ĐOẠN 2012 – 2017**

(Ban hành kèm theo QĐ số 55/QĐ-ĐN ngày 15/02 năm 2012 của Hiệu trưởng  
Trường Đại học Đại Nam)

---

### **PHẦN I**

#### **ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ**

##### **GIAI ĐOẠN 2007 – 2012**

Sau 5 năm kể từ ngày thành lập, Trường Đại học Đại Nam đã liên tục phấn đấu và đã đạt được những thành tựu đáng kể trên mọi lĩnh vực, tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững của Nhà trường trong những giai đoạn tiếp theo.

##### **1.1. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC**

###### **1.1.1. Công tác đào tạo**

###### **a. Chương trình đào tạo và loại hình đào tạo**

Trường có 13 ngành đào tạo thuộc các khối ngành Kinh tế - Quản trị kinh doanh, Kỹ thuật - Công nghệ, Khoa học - Xã hội nhân văn, Báo chí – Truyền thông và Ngoại ngữ. Ngoài hệ chính quy trường còn được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép đào tạo hệ vừa học vừa làm các ngành kể trên

###### **b. Quy mô đào tạo**

Kể từ năm 2010-2011 đến nay trường đã tiến hành tuyển sinh theo hình thức 3 chung. Quy mô đào tạo của Nhà trường hiện nay gần 5.000 sinh viên bao gồm sinh viên hệ chính quy, sinh viên hệ liên thông và hệ vừa học vừa làm. Quy mô này phù hợp định hướng phát triển của Trường thể hiện trong đề án khả thi thành lập trường.

TT	Loại hình đào tạo	Năm học										Cộng thực hiện
		2007-2008		2008-2009		2009-2010		2010-2011		2011-2012		
		KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	TH	
1	<b>Chính quy</b>	<b>500</b>	<b>215</b>	<b>1.000</b>	<b>877</b>	<b>1.300</b>	<b>1.171</b>	<b>1.300</b>	<b>964</b>	<b>1.400</b>	<b>854</b>	<b>4.081</b>
	Trong đó:											
	- Đại học	500	215	1.000	877	1.000	959	1.000	713	1.000	568	3.332
	- Cao đẳng					300	212	300	251	400	286	749
2	<b>Vừa học vừa làm, liên thông</b>									<b>840</b>	<b>605</b>	<b>605</b>
	Trong đó: - Vừa học vừa làm									200	78	78
	- Liên thông									640	527	527
	+ Cao đẳng - Đại học										83	83
	+ Trung cấp - Đại học										444	444
	<b>Tổng cộng</b>	<b>500</b>	<b>215</b>	<b>1.000</b>	<b>877</b>	<b>1.300</b>	<b>1.171</b>	<b>1.300</b>	<b>964</b>	<b>2.240</b>	<b>1.459</b>	<b>4.686</b>

*Kết quả tuyển sinh và quy mô đào tạo 2007-2012 – Nguồn: Phòng Đào tạo*

### c. Công tác tổ chức đào tạo

Trường đã xây dựng và ban hành chuẩn đầu ra cho tất cả các ngành được phép đào tạo, lấy đó làm mục tiêu phấn đấu, làm chuẩn mực đánh giá trong công tác chỉ đạo và quản lý, điều hành các hoạt động của Nhà trường. Năm học 2012-2013 Trường đã bắt đầu thực hiện đào tạo theo học chế tín chỉ.

Mặt khác Trường luôn quan tâm đến việc hoàn thiện và thực hiện tốt các quy chế, quản lý đào tạo, đổi mới chương trình theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội và hội nhập quốc tế, khuyến khích giảng viên áp dụng phương pháp giảng dạy tích cực, sử dụng các phương tiện kỹ thuật hiện đại, phối kết hợp giữa phương thức giảng dạy truyền thống và trực tuyến. Trường đã xây dựng “Ngân hàng thực hành”, “Trung tâm tư vấn Kế toán -

Kiểm toán” nhằm tạo điều kiện cho sinh viên “Rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp” ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường, phương châm “Học đi đôi với hành”, “Lý luận gắn liền với thực tiễn” đã phát huy kết quả tốt. Năm 2012 trường có 2 khóa sinh viên tốt nghiệp ra trường: Khóa 1: 200 cử nhân; khóa 2: 900 cử nhân, kỹ sư các ngành Tài chính - Ngân hàng, Kế toán, Công nghệ thông tin, tiếng Anh, tiếng Trung. Theo số liệu thống kê ban đầu đa số sinh viên ra trường đã có việc làm.

### ***1.1.2. Công tác tổ chức và xây dựng đội ngũ***

Trường đã xây dựng quy hoạch phát triển tổ chức bộ máy và nhân sự, chú trọng tuyển dụng giảng viên cơ hữu có trình độ đào tạo ở trong nước và nước ngoài, luôn quan tâm bồi dưỡng giảng viên đặc biệt là bồi dưỡng các giảng viên trẻ.

Từ ngày mới thành lập Trường chỉ có gần 40 giảng viên và cán bộ công nhân viên, sau 5 năm trường có 10 khoa, 9 phòng ban, trung tâm với hơn 250 CB-GV-CNV cơ hữu trong đó có gần 200 giảng viên gồm các Giáo sư, Phó giáo sư, Tiến sĩ, Thạc sĩ có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, nhiều người được đào tạo từ nước ngoài như Mỹ, Anh, Australia, Singapore...

### ***1.1.3. Công tác nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế***

Hàng năm Trường đã tổ chức các hội nghị khoa học sinh viên, giảng viên; tổ chức các buổi trình giảng của các giảng viên trẻ. Năm 2011 trường đã tổ chức 2 hội thảo khoa học: “Sinh viên Đại học Đại Nam với chuẩn tiếng Anh TOEIC”, “Sinh viên Đại học Đại Nam với văn hóa giao thông”. Năm 2012 trường tổ chức các hội thảo: “Nâng cao chất lượng đào tạo ngành kế toán kiểm toán đáp ứng nhu cầu xã hội”, “Tái cấu trúc doanh nghiệp trong nền kinh tế” và hội thảo khoa học cấp Bộ “Một số giải pháp nhằm phát triển sản xuất kinh doanh trong điều kiện hiện nay”, hội thảo có sự đồng chủ trì của Viện nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung Ương, Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Học viện Tài chính và Hiệp hội các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Về hợp tác quốc tế trường đã thực hiện chương trình chuyên đổi tín chỉ 2 năm tại Việt Nam, 2 năm học nước ngoài với các trường Đại học Saxion (Hà Lan), Đại học Charles Sturt (Australia) và Đại học Worcester (Anh). Trường đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép liên kết đào tạo với trường Stamford Raffles (Singapore).

### ***1.1.4. Cơ sở vật chất***

Trường chăm lo xây dựng cơ sở vật chất coi đây là một trong các yếu tố quyết định sự tồn tại và phát triển của Nhà trường. Cơ sở chính đặt tại Phú Lãm, Phú Lương, Quận Hà Đông Thành phố Hà Nội với diện tích 10,6 ha đã cơ bản hoàn thành giai đoạn I đầu tư xây dựng, các hạng mục công trình như: Lớp học, giảng đường, hội trường, phòng máy tính, phòng thực hành, phòng thí nghiệm, thư viện, phòng thể chất; ký túc xá

1500 chỗ, phòng ở khép kín với đầy đủ tiện nghi; công viên cây xanh đã được đưa vào khai thác sử dụng.

Với 2 cơ sở của trường tại Phú Lâm Hà Đông và 56 Vũ Trọng Phụng hiện nay trường Đại học Đại Nam có thể đáp ứng quy mô đào tạo 9.000 sinh viên.

Nhìn lại 5 năm qua có thể nói rằng trên cơ sở chức năng nhiệm vụ được giao Lãnh đạo nhà trường đã luôn bám sát, thực hiện tốt mục tiêu chiến lược: Phát triển toàn diện, chất lượng đào tạo đi đôi với đa dạng hóa các loại hình đào tạo, cấp độ đào tạo và lĩnh vực đào tạo, phấn đấu xây dựng nhà trường trở thành trung tâm đào tạo đẳng cấp trong nước và quốc tế.

## **1.2. NHỮNG HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN**

### **1.2.1. Hạn chế**

- *Về đào tạo:* Một số ngành công tác tuyển sinh gặp khó khăn, chất lượng đầu vào của sinh viên thấp, hệ thống giáo trình, tập bài giảng do trường biên soạn phục vụ cho học tập và giảng dạy còn hạn chế chưa đáp ứng được yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo

- *Về nghiên cứu khoa học.* Số lượng đề tài nghiên cứu cấp nhà nước, cấp bộ còn ít, chủ yếu tập trung vào đề tài cấp trường; số lượng bài nghiên cứu được đăng tải trên các tạp chí chuyên ngành, đặc biệt trên tạp chí quốc tế còn ít

- *Về Hợp tác phát triển:* Chưa có nhiều các đối tác chiến lược, chưa tìm kiếm được nguồn tài trợ quốc tế cho các đề tài, dự án lớn.

- *Đảm bảo chất lượng:* Việc xử lý các kết quả đánh giá chất lượng giảng dạy, môn học và các dịch vụ khác chưa thực sự nhanh và hiệu quả.

- *Về tổ chức nhân sự :* Hệ thống các văn bản quản lý cấp đơn vị chưa thực sự hoàn thiện; công tác quy hoạch, phát triển đội ngũ còn chậm, cơ cấu cán bộ giảng dạy chưa thật hợp lý, tỷ lệ cán bộ trẻ có trình độ cao, cán bộ đầu đàn, đầu ngành còn ít.

- *Về Cơ sở vật chất:* Công tác tin học hóa chưa được thực hiện đồng bộ và có hệ thống; các phần mềm quản lý còn chưa được khai thác hiệu quả.

### **1.2.2. Nguyên nhân của những hạn chế**

- Công tác lập kế hoạch chưa được chú trọng; chưa có đánh giá thường xuyên, cảnh báo về chỉ số cho các đơn vị cũng như chưa có chế tài xử lý các đơn vị không hoàn thành kế hoạch.

- Nguồn nhân lực thực hiện nghiên cứu còn mỏng và đang trong giai đoạn hoàn thiện, phát triển; chưa có các cán bộ nghiên cứu và giảng dạy đầu ngành, đầu đàn; tính

chuyên nghiệp của một số cán bộ hành chính chưa cao; các cán bộ quản lý chưa được đào tạo bài bản về quản trị đại học tiên tiến.

- Lãnh đạo một số đơn vị trực thuộc chưa thực sự quan tâm đến việc kiện toàn hệ thống văn bản quản lý của đơn vị; chưa thực sự chủ động trong việc khai thác các đối tác.

- Quan niệm của xã hội về trường công còn khá nặng nề, thậm chí còn phân biệt đối xử giữa trường đại học công lập và trường đại học ngoài công lập dẫn tới gây khó khăn cho trường ngoài công lập trong công tác tuyển sinh, hạn chế năng lực cạnh tranh, uy tín và thương hiệu của các trường đại học ngoài công lập.

## **PHẦN II**

### **KẾ HOẠCH 5 NĂM PHÁT TRIỂN TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẠI NAM**

#### **GIAI ĐOẠN 2012-2017.**

#### **2.1. CƠ SỞ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH**

##### **2.1.1. Các căn cứ pháp lý**

- Nghị định của Chính phủ số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

- Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức.

- Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.

- Đề án phát triển Trường Đại học Đại Nam

##### **2.1.2. Bối cảnh phát triển**

Sự phát triển mạnh mẽ của khoa học kỹ thuật cùng với quá trình hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng đặt ra cho các trường đại học nhiều cơ hội phát triển nhưng cũng không ít những thách thức. Trong bối cảnh đó, để phát triển, đòi hỏi các trường đại học phải luôn luôn đổi mới và sáng tạo.

Hệ thống giáo dục đại học Việt Nam đang từng bước được đổi mới, số lượng các trường đại học ngày càng nhiều, mức độ cạnh tranh trong lĩnh vực đào tạo đặc biệt trong công tác tuyển sinh ngày gay gắt đòi hỏi các trường đại học phải từng bước khẳng định và nâng cao uy tín đối với người học và xã hội

Sau hơn 5 năm thành lập, Trường Đại học Đại Nam đã được xã hội biết đến, đã

đạt được một số kết quả phát triển ban đầu và tạo dựng được các điều kiện cần thiết cho sự phát triển ổn định và phát triển của Trường trong giai đoạn tiếp theo.

## **2.2. SỨ MẠNG, TÂM NHÌN, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN VÀ NHIỆM VỤ TRONG TÂM**

**2.2.1. Tâm nhìn:** Đến năm 2020, trường Đại học Đại Nam đứng trong nhóm 20 các trường đại học Việt Nam được xã hội thừa nhận về đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, và trường đại học đa ngành, đa cấp độ đóng góp quan trọng vào sự phát triển bền vững của đất nước.

**2.2.2. Sứ mạng:** Đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao trong các lĩnh vực kinh tế - kỹ thuật - công nghệ, khoa học xã hội - nhân văn và ngoại ngữ phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong bối cảnh hội nhập quốc tế

### **2.2.3. Mục tiêu chung**

Trường Đại học Đại Nam xác định mục tiêu đào tạo định hướng ứng dụng nghề nghiệp ở những lĩnh vực: Kinh tế; Kỹ thuật - Công nghệ; Khoa học Xã hội - Nhân văn, Sức khỏe và Ngoại ngữ.

### **2.2.4. Nhiệm vụ trọng tâm**

- *Nâng cao chất lượng và hiệu quả của công tác đào tạo:* Mở mới một số chương trình đào tạo đại học và sau đại học phù hợp với nhu cầu xã hội; điều chỉnh các chương trình đào tạo hiện có theo hướng hiện đại và có tính ứng dụng cao.
- *Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học:* Ưu tiên nguồn lực và tạo cơ chế khuyến khích hoạt động nghiên cứu khoa học, gắn nghiên cứu khoa học với phục vụ đào tạo
- *Nâng cao công tác đảm bảo chất lượng:* Chuẩn bị các điều kiện hướng tới kiểm định chất lượng của đơn vị theo tiêu chuẩn quốc gia
- *Phát triển đội ngũ cán bộ giảng dạy, nghiên cứu và quản lý:* Quy hoạch đội ngũ phù hợp với yêu cầu phát triển, có chính sách hỗ trợ cán bộ đi đào tạo, công bố kết quả NCKH, tham dự các hội nghị, hội thảo khoa học cấp quốc gia và quốc tế.
- *Quản lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tài chính:* đa dạng các nguồn thu, đảm bảo nguồn lực tài chính đáp ứng nhu cầu phát triển của trường, ưu tiên tài chính cho nâng cao chất lượng đào tạo và đẩy mạnh nghiên cứu khoa học.
- *Tăng cường chất lượng và hiệu quả công tác hợp tác quốc tế:* Thiết lập các mối quan hệ với các đối tác trong và ngoài nước để chuyển giao công nghệ đào tạo, triển khai các chương trình trao đổi cán bộ, sinh viên và các học giả; thu hút nguồn tài trợ học bổng, cơ sở vật chất, trang thiết bị, tài liệu sách vở và chất xám phục vụ công tác đào tạo và NCKH.

## **2.3. CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN**

### **2.3.1. Về đào tạo**

#### 2.3.1.1. Mở mới chương trình đào tạo

- Cử nhân: Mở mới các ngành đào tạo: Dược học, Điều dưỡng, Luật Kinh tế; ngành Du lịch lữ hành, Kiến trúc

- Thạc sĩ: Mở mới 3 chương trình: Tài chính - Ngân hàng, kế toán – Kiểm toán, Quản lý kinh tế

- Tiến sĩ: 1 chương trình

#### 2.3.1.2. Quy mô tuyển sinh

- Cử nhân: 1.500 sv/ năm

- Thạc sĩ: 250 HV/ năm

- Tiến sĩ: 2 NCS

#### 2.3.1.3. Quy mô đào tạo

- Cử nhân: 6000 - 700000 SV/ năm

- Thạc sĩ: 500 – 800 HV cao học

- Tiến sĩ: 4 NCS

#### 2.3.1.4. Tỷ lệ tốt nghiệp

- Cử nhân: 90%

- Thạc sĩ: 85%

- Tiến sĩ: 80%

#### 2.3.1.5. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm

- 90% sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm

- 65% sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng chuyên môn sau 1 năm

#### 2.3.1.6. Xây dựng đề cương môn học, giáo trình, học liệu

- 80 % môn học có đề cương được biên soạn đảm bảo giảng dạy theo tín chỉ

- 70% môn học có giáo trình học liệu phục vụ giảng dạy học tập

#### 2.3.2. Nghiên cứu khoa học

- 100% Giảng viên tham gia nghiên cứu khoa học

- 40% giảng viên là thạc sĩ, 80% giảng viên là tiến sĩ có 1 bài nghiên cứu đăng trên tạp chí có uy tín trong nước, hoặc báo có tại hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia (hoặc quốc tế)

- Mỗi năm xuất bản 2 cuốn sách chuyên khảo

- Mỗi năm tổ chức 1 – 2 hội thảo quốc gia hoặc quốc tế, thực hiện 2-3 đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ và tương đương

- Xây dựng 1 - 2 nhóm nghiên cứu

- Có sản phẩm nghiên cứu được chuyển giao cho các doanh nghiệp

- Giải thưởng NCKH sinh viên/năm: giải cấp trường: 4 SV/ năm, phần đầu có giải thưởng cấp bộ.



- Tăng tỷ lệ kinh phí cho hoạt động NCKH/ CBGD đạt 8.000.000đ / CBGD

### **2.3.3. Bộ máy tổ chức và nhân lực**

2.3.3.1. *Bộ máy tổ chức:* Thành lập thêm các khoa: Khoa Đào tạo Sau Đại học, Khoa Dược học, Khoa Điều dưỡng, Khoa Luật Kinh tế; Khoa Du lịch lữ hành, Khoa Kiến trúc. Thực hiện Quản trị đại học theo mô hình quản trị đại học tiên tiến.

2.3.3.2. *Đội ngũ nhân lực:*

- Đến năm 2017 có 350 cán bộ và giảng viên cơ hữu tỷ lệ giảng viên/ cán bộ hành chính là: 4/1. Trong đội ngũ giảng viên phần đầu có trên 3 Giáo sư, 25 Phó Giáo sư, 70 Tiến sĩ.
- Tổng số cán bộ cơ hữu: 350 người, trong đó 75% là cán bộ giảng dạy
- Tỷ lệ sinh viên/ CBGD: 25 SV/CBGD
- Tỷ lệ CBGD có trình độ SDH: 70 %, trong đó tiến sĩ 30%
- Tỷ lệ Giảng viên có trình độ Giáo sư, Phó giáo sư trở lên đạt 10%
- Tỷ lệ giảng viên có thể giảng dạy chuyên môn bằng tiếng nước ngoài: 10%
- Tỷ lệ cán bộ quản lý sử dụng tốt tiếng Anh trong giao tiếp: 10%
- 90% cán bộ quản lý được đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và ngoại ngữ theo tiêu chuẩn quản trị đại học tiên tiến

### **2.3.4. Hợp tác và phát triển**

- Số đối tác phát triển: 3
- Số chương trình hợp tác: 3
- Số chương trình liên kết đào tạo quốc tế: 2
- Số Dự án, chương trình nghiên cứu liên kết với bên ngoài trong;
- Số Chuyên gia nước ngoài đến làm việc tại Trường: 15 – 20 lượt

### **2.3.5. Đảm bảo khảo thí và đảm bảo chất lượng**

- Đến năm 2017, triển khai kiểm định đơn vị đào tạo theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo
- Đến năm 2020 có 1 chương trình đào tạo được kiểm định chất lượng theo tiêu chuẩn AUN
- Số lượng các môn học có ngân hàng đề thi, các môn học có bộ câu hỏi thi: 10 môn
- Số cuộc khảo sát điều tra hoạt động đào tạo của Nhà trường: 2 cuộc/ năm
- 80% Số chương trình đào tạo (đại học & SDH) được xây dựng theo chuẩn đầu ra

### **2.3.6. Truyền thông**

*Vận hành và khai thác hiệu quả website của Trường phục vụ công tác đào tạo,*

*NCKH; chuyên nghiệp hóa hoạt động truyền thông và xuất bản.*

- Số đơn vị đào tạo và các trung tâm có 1 website riêng;
- Số module chuyên sâu trên website được mở mới (giới thiệu ấn phẩm; sự kiện/ hội nghị/ hội thảo; nhân sự; cựu sinh viên; forum sinh viên; giao lưu trực tuyến)
- Xây dựng cơ sở liệu điện tử
- Số sự kiện truyền thông của Trường được tổ chức.

### **3.7. Kế hoạch tài chính**

Tạo được nguồn lực tài chính bền vững đáp ứng yêu cầu xây dựng, phát triển của nhà trường.

### **3.8. Cơ sở vật chất**

- Khai thác có hiệu quả cơ sở vật chất hiện có tại khu vực 1 và khu vực 2
- Xây dựng cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin tốt, phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học
- Mỗi cán bộ giảng viên có một tài khoản truy cập nội bộ

## **2.4. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH**

### **2.4.1. Nâng cao chất lượng và hiệu quả của công tác đào tạo**

- Tập trung đẩy mạnh thực hiện đào tạo theo tín chỉ.
- Đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy các chương trình đào tạo hiện có. Đổi mới, cập nhật giáo trình, nguồn học liệu, sử dụng CNTT trong giảng dạy.
- Xây dựng Bộ tiêu chuẩn đầu ra cho tất cả các chương trình đào tạo và xây dựng một số chương trình đào tạo theo cách tiếp cận CDIO;
- Triển khai hợp tác đào tạo với các doanh nghiệp, cơ quan, giữa các đơn vị, trường đại học, viện nghiên cứu để nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu xã hội, nâng cao khả năng tìm việc làm của người học.

### **2.4.2. Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác NCKH**

- Đẩy mạnh hợp tác NCKH với các đơn vị ngoài Trường, trong nước và quốc tế, giữa các đơn vị trong Trường và giữa các cá nhân trong một đơn vị.
- Tích hợp chặt chẽ NCKH với đào tạo sau đại học, thực hiện các phương thức hỗ trợ học viên cao học thông qua việc giao nhiệm vụ nghiên cứu cụ thể gắn với đề tài nghiên cứu của giảng viên hướng dẫn.
- Ứng dụng CNTT xây dựng hệ thống học liệu mở phục vụ công tác đào tạo, NCKH và cung cấp dịch vụ cho xã hội. Xây dựng cơ sở học liệu điện tử, cung cấp dịch vụ Internet cho CBGV và HSSV. Đẩy mạnh việc đưa lên mạng của Nhà trường toàn bộ các thông tin về hoạt động của Nhà trường nhất là các thông tin về đào tạo và NCKH.

- Nâng cao năng lực nghiên cứu cho các giảng viên thông qua việc tổ chức các lớp đào tạo và bồi dưỡng về phương pháp nghiên cứu, tạo điều kiện thuận lợi cho các giảng viên có cơ hội tham dự các hội nghị, hội thảo quốc tế (trong và ngoài nước) cũng như tham gia các dự án nghiên cứu với các đối tác bên ngoài.

#### **2.4.3. Nâng cao công tác đảm bảo chất lượng**

- Phát triển nguồn nhân lực hệ thống ĐBCL bên trong, hoàn thiện mạng lưới ĐBCL trong Đại học Đại Nam

- Nâng cao năng lực, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác ĐBCL; tuyên truyền sâu rộng về vai trò, ý nghĩa của ĐBCL trong việc thực hiện sứ mạng của Đại học Đại Nam nhằm tạo sự đồng thuận và thu hút tất cả đội ngũ cán bộ, giảng viên và người học tham gia tích cực vào việc xây dựng và thực hiện văn hóa chất lượng ở Đại học Đại Nam.

#### **2.4.4. Phát triển đội ngũ cán bộ giảng dạy, nghiên cứu và quản lý**

- Quy hoạch đội ngũ phù hợp với yêu cầu phát triển đến năm 2020 về chất lượng và quy mô.

- Nâng cao chất lượng cuộc sống của đội ngũ cán bộ, giảng viên và nhân viên thông qua việc tạo các công việc có thu nhập cao, cải thiện môi trường làm việc thân thiện, áp dụng các chính sách mang lại cơ hội phát triển và cống hiến cho đội ngũ.

- Hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý và ban hành một số quy chế, quy định mang tính đặc thù của Trường, đảm bảo sự thống nhất, liên thông và phối hợp giữa các đơn vị trong quản lý, đào tạo, NCKH, dịch vụ và hợp tác phát triển.

- Đổi mới công tác tuyển dụng, sử dụng cán bộ: Công tác định biên, tuyển dụng, bố trí - sử dụng, đãi ngộ được thực hiện theo nguyên tắc, nội dung và phương pháp của quản trị nhân lực hiện đại. Chú trọng đánh giá định kỳ các loại nhân lực theo chất lượng và hiệu quả bằng các bộ tiêu chí theo từng vị trí công việc cụ thể làm căn cứ cho việc đề ra chính sách và chế độ đãi ngộ.

- Đầu tư có trọng điểm và có chính sách thu hút nhân tài để phát triển đội ngũ cán bộ đầu đàn, đầu ngành và các chuyên gia vào làm việc hoặc cộng tác trong hoạt động đào tạo, nghiên cứu, hợp tác phát triển, dịch vụ, kinh doanh... của Trường.

#### **2.4.5. Quản lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tài chính.**

Thành lập một số cơ sở kinh doanh dịch vụ (doanh nghiệp, trung tâm,...) tạo nguồn thu cho Trường. Thí điểm cổ phần hoá một số đơn vị để huy động các nguồn vốn phát triển của xã hội.

#### **2.4.6. Tăng cường chất lượng và hiệu quả công tác hợp tác quốc tế**

- Thiết lập các mối quan hệ đào tạo và NCKH liên kết với các đối tác nước ngoài, các chương trình trao đổi sinh viên, học sinh và các học giả.

- Tăng các chương trình giao lưu, trao đổi giảng viên và HSSV. Tìm nguồn tài trợ cũng như đối tác nghiên cứu về nhu cầu phát triển nghề nghiệp của giáo viên tiếng Anh THPT. Khai thác mọi nguồn lực đảm bảo số lượng giáo viên nước ngoài giảng dạy tại Trường hàng năm.

- Khai thác, huy động các nguồn tài trợ và sự giúp đỡ của các doanh nghiệp phục vụ công tác đào tạo và NCKH.

- Triển khai chương trình trao đổi học sinh và sinh viên trên tinh thần tự nguyện đóng góp của sinh viên với tất cả các nước có ngôn ngữ đang dạy tại Trường

- Tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp nhằm thúc đẩy và hỗ trợ công tác nghiên cứu của giảng viên cũng như công tác thực tập của sinh viên. Qua đó phát triển đội ngũ giảng viên kiêm nhiệm, thỉnh giảng là các lãnh đạo doanh nghiệp uy tín.

#### **2.4.7. Các giải pháp có liên quan đến phát triển văn hóa cộng đồng và thương hiệu**

- *Tạo môi trường làm việc năng động*, thi đua lành mạnh, nâng cao thu nhập cho cán bộ, công tác viên; đề cao tinh thần hợp tác và chia sẻ với những điều kiện làm việc tốt nhất để mỗi thành viên tự hào, muốn cống hiến và gắn kết với Nhà trường.

- *Triển khai tích cực, có hệ thống công tác xây dựng và phát triển thương hiệu*. Xây dựng hình ảnh Đại học Đại Nam gắn với các giá trị cốt lõi của Nhà trường nhằm tăng uy tín, sức hấp dẫn với xã hội.

### **2.5. TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH**

#### **2.5.1. Tổ chức thực hiện**

- Tổ chức phổ biến rộng rãi đến từng phòng, ban, trung tâm, khoa và các bộ môn trực thuộc trong toàn Trường.

- Các đơn vị trong Trường xây dựng kế hoạch, nhiệm vụ năm học của đơn vị mình trên cơ sở kế hoạch, nhiệm vụ chung của Nhà trường và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch đề ra.

- Báo cáo hàng tháng: cuối mỗi tháng, thu thập, tổng hợp các số liệu và chuẩn bị báo cáo kết quả, tiến độ thực hiện kế hoạch nhiệm vụ hàng năm.

- Tổ chức sơ kết công tác kế hoạch: sau 6 tháng thực hiện kế hoạch, tổ chức sơ kết và điều chỉnh kế hoạch (nếu cần).

- Hàng năm, tổ chức đánh giá việc thực hiện kế hoạch 5 năm (vào dịp tổ chức hội nghị CBVC và tổng kết năm học), trên cơ sở đó xác định, điều chỉnh mục tiêu, chỉ tiêu của Trường trong năm học tiếp theo cho phù hợp với thực tiễn.

- Đến năm 2017 sẽ tổ chức đánh giá toàn diện kế hoạch 5 năm của Nhà trường, làm căn cứ cho việc xây dựng và thực hiện kế hoạch 5 năm cho giai đoạn tiếp theo.

#### **2.5.2. Trách nhiệm của Trường các đơn vị (Phòng/ Ban/ Bộ phận/ Khoa/ Trung tâm)**

- Hàng tháng báo cáo đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao.

- Cung cấp các số liệu phục vụ công tác giám sát và đánh giá thực hiện kế hoạch.
- Đề xuất điều chỉnh kế hoạch và các giải pháp thực hiện các nhiệm vụ tiếp theo.
- Việc giám sát và đánh giá kế hoạch được dựa vào các mục tiêu và các chỉ tiêu kế hoạch 5 năm và hàng năm. Sau 5 năm thực hiện kế hoạch, tổ chức đánh giá toàn diện làm căn cứ cho việc xây dựng kế hoạch 5 năm tiếp theo.

HIỆU TRƯỞNG 



PGS.TS. PHAN TRỌNG PHÚC